**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**
**TRONG LĨNH VỰC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**
**UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN**
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

| STT | Tên thủ tục hành chính<br>*(Mã TTHC)* | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cơ quan thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền quyết định | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I. Lĩnh vực giáo dục mầm non** | | | | | | | | |
| 1. | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ<br>*1.012961. H17* | 20 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Luật Giáo dục<br>- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 2. | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục<br>*1.006390. H17* | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Luật Giáo dục<br>- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3. | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại<br>*1.006444. H17* | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường mầm non | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Luật Giáo dục<br>- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 4. | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ<br>*1.006445. H17* | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Luật Giáo dục<br>- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 5. | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)<br>*1.012962. H17* | 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 6. | Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập<br>*1.012971. H17* | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7. | Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại<br>*1.012972. H17* | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở giáo dục mầm non độc lập | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 8. | Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập<br>*1.012973. H17* | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 9. | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)<br>*1.012974. H17* | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị giải thể | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| **II. Lĩnh vực Giáo dục tiểu học** | | | | | | | | |
| 10. | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học<br>*1.012963. H17* | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11. | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục<br>*2.001842. H17* | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 12. | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại<br>*1.004552. H17* | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo của trường tiểu học | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 13. | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học<br>*1.004563. H17* | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 14. | Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)<br>1.001639. *H17* | 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường tiểu học | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15. | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học<br>*1.005099. H17* | 10 ngày làm việc | Cơ sở giáo dục | Không | - Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT về ban hành điều lệ trường tiểu học.<br>- Quyết định 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ GDĐT. | Trường tiểu học | Trường tiểu học | Giữ nguyên |
| **III. Lĩnh vực Giáo dục trung học** | | | | | | | | |
| 16. | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở<br>*1.012964. H17* | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 17. | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục<br>*1.012965. H17* | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 18. | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại<br>*1.012966. H17* | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19. | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở<br>1.012967. *H17* | 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 20. | Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)<br>*1.012968. H17* | 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 21. | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở<br>*2.002481. H17* | 7 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT<br>- Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT.<br>- Quyết định số 941/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2022 của Bộ GDĐT về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục trung học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 22. | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài<br>*2.002483.H17* | 10 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính | Không | - Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT.<br>- Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | công cấp xã | | - Quyết định số 941/QĐ-BGDĐT. | | | |
| 23. | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước *2.002482.H17* | 10 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT.<br>- Thông tư số 50/2021/TT-BGDĐT ngày.<br>- Quyết định số 941/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| **IV. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên** | | | | | | | | |
| 24. | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng *1.012969. H17* | 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 25. | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại *1.012970. H17* | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 26. | Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng 3.000307. *H17* | Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ hành chính | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | đủ hồ sơ hợp lệ | công cấp xã | | | | | |
| 27. | Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)<br>3.000308. *H17* | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| **V. Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác** | | | | | | | | |
| 28. | Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở<br>*3.000309. H17* | 10 ngày làm việc và 20 ngày | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 29. | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học<br>*1.012975. H17* | 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **VI. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân** | | | | | | | | |
| 30. | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận<br>*1.008724. H17* | 20 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| 31. | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận<br>*1.008725. H17* | 20 ngày làm việc | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | Không | - Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.<br>- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>- Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Sửa đổi, bổ sung |
| **VIII. Lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ** | | | | | | | | |
| 32. | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)<br>*3.000468. H17* | 2 ngày làm việc | Không | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã | - Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ GDĐT;<br>- Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.<br>- Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT. | Ủy ban nhân dân cấp xã | Ủy ban nhân dân cấp xã | Thay thế |
| 33. | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)<br>*3.000467. H17* | 1 ngày làm việc hoặc 2 ngày làm | Không | Trung tâm Phục vụ hành | - Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ GDĐT; | Ủy ban nhân dân cấp xã | Ủy ban nhân dân cấp xã | Thay thế |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | việc hoặc dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu cấp bản sao | | chính công cấp xã | - Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT.<br>- Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT. | | | |